

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 80/2024/DS-ST

Ngày: 26 – 6 – 2024

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Sơn Thanh Huyền**

Ông **Trần Văn Lập**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2023/TLST-DS ngày 19/12/2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là chị **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1979 (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2023) (Có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

- Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1973 (Có mặt).

- Chị **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023 trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị K do chị Nguyễn Minh T làm đại diện trình bày:*

Ngày 02/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 09/8/2020 dương lịch) bà K có cho anh S vay số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng), khi vay có làm biên nhận nợ và có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau khi vay tiền ông S không có trả vốn và lãi cho bà K, bà K đã nhiều lần yêu cầu anh S và vợ là chị B1 B phải trả cho bà K số tiền còn nợ nhưng đến nay anh S và chị B vẫn không trả.

Nay bà Nguyễn Thị K do chị Nguyễn Minh T làm đại diện yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Bé B phải trả cho bà K số tiền vốn còn nợ là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/8/2020

đến ngày 09/8/2023 là 34 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng thành tiền 65.000.000đ x 1,6% x 34 tháng = 35.360.000đ. Tổng cộng là 100.360.000đ (một trăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa chỉ T cho bà K xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu anh S và chị B phải trả tiền vốn 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền lãi tính đến khi xét xử sơ thẩm, tổng cộng vốn và lãi là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:* Năm 2016 ông S có tham gia góp hụi do bà K làm đầu thảo, loại hụi mùa 5.000.000đ (năm triệu đồng), hụi 03 tháng khui một lần, gồm có 14 hụi viên, anh S là người kêu hốt hụi đầu tiên, kêu hụi 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) hốt hụi được số tiền 32.500.000đ, anh S có nghĩa vụ góp hụi chết cho bà K 13 lần với số tiền hụi là 65.000.000đ, mỗi vụ anh S có góp cho bà K số tiền 2.500.000đ, còn nợ lại 2.500.000đ, anh S đã góp hụi cho bà K được 13 lần mỗi lần góp 2.500.000đ, tổng cộng số tiền là 32.500.000đ (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), hiện nay anh S còn nợ lại bà K số tiền nợ hụi là 32.500.000đ (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), thực tế anh S không có vay tiền của bà K.

Đối với biên nhận nợ ngày 02/6/2020 do bà K cung cấp, anh S thừa nhận đúng chữ ký và chữ viết của anh, nay bà K do chị T làm đại diện yêu cầu anh S và chị Nguyễn Thị Bé B phải trả lại cho bà K số tiền vốn còn nợ là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) anh S đồng ý trả cho bà K số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị B không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà K và bị đơn anh Nguyễn Văn S; chị Nguyễn Thị Bé B. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Bé B.

[3] Bà K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị B2 Bày trả cho bà số tiền vốn còn nợ là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và

20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) số tiền lãi được tính là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà K do chị T làm đại diện có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ viết tay và có chữ ký tên ghi rõ họ tên “**Nguyễn Văn S**” anh S cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của anh.

Anh Nguyễn Văn S cũng thừa nhận hiện nay anh còn nợ chị K số tiền vốn là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng), đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà K là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).

Đối với chị Nguyễn Thị Bé B đã được Tòa án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, chị B có ký nhận văn bản nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu của bà K. Chị B và anh S là vợ chồng hợp pháp, hiện nay anh chị vẫn còn sống chung nhà. Căn cứ khoản 1, Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị B2 B phải có nghĩa vụ cùng với anh S có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kiều .

[4] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở để buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Bé B phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vốn còn nợ là 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 20.000.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 85.000.000đ (T1 mươi lăm triệu đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Bé B phải nộp $85.000.000đ \times 5\% = 4.250.000đ$ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1, Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K do chị Nguyễn Minh T làm đại diện.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Bé B phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vốn và lãi còn nợ là 85.000.000đ (T1 mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Bé B phải nộp 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

